

# BỘ NGUYÊN TẮC MÔ ĐUN CÀ PHÊ

Phiên bản 1.1





Trang web Trung tâm Đào tạo UTZ:

[www.utz.org](http://www.utz.org)

Tài liệu này được dịch từ tiếng Anh. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào về tính chính xác của các thông tin trong tài liệu, vui lòng tham khảo phiên bản gốc bằng tiếng Anh tại [www.utz.org](http://www.utz.org)

Mọi ý kiến đóng góp vui lòng gửi đến:

[coffeecertification@utz.org](mailto:coffeecertification@utz.org)

Hoặc qua đường bưu điện:  
Phòng Tiêu chuẩn và Chứng nhận  
UTZ

De Ruyterkade 6 bg  
1013 AA Amsterdam  
The Netherlands

© UTZ 2015

Không phần nào của ấn phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống có thể truy xuất, hoặc chuyển thành bất kỳ dạng nào hay bởi bất kỳ cách nào, điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hay cách nào khác mà không có thẩm quyền tuyệt đối.

## Giới thiệu

Mô đun Cà phê được sử dụng cùng với Bộ nguyên tắc chung bởi các nhà sản xuất Cà phê và các nhóm sản xuất mong muốn được chứng nhận Bộ nguyên tắc. Mô đun chứa các yêu cầu áp dụng cho các hoạt động sản xuất và chế biến cà phê, cho đến sản xuất cà phê nhân. Tùy thuộc vào các hoạt động mà họ thực hiện (ví dụ: chế biến ướt hoặc chế biến khô), các nhà sản xuất và các nhóm sản xuất đánh giá các điểm kiểm soát áp dụng đối với họ.

Cột “Áp dụng với” chỉ rõ điểm kiểm soát áp dụng cho nhóm hoặc các thành viên nhóm đối với chứng nhận nhóm, Bộ nguyên tắc chung cho Chứng nhận nhóm. Các nhà sản xuất Cà phê chứng nhận Bộ nguyên tắc cho đơn vị đơn lẻ phải tuân thủ với tất cả các điểm kiểm soát trong Mô đun.

Nếu có sự mâu thuẫn giữa những gì được yêu cầu trong Bộ nguyên tắc chung và Mô đun thì yêu cầu từ Mô đun được ưu tiên.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
<b>PHẦN B - THỰC HÀNH CANH TÁC</b>							
<b>Duy trì vườn cây</b>							
CF.B.1	Có đủ số lượng cây che bóng phù hợp trên một hecta được trồng và được duy trì trên các lô cà phê.	M					Cây che bóng là loài không xâm lấn, và/hoặc cố định đạm và/hoặc có dinh dưỡng cao và cung cấp tán che tối ưu (khi cây trưởng thành).  Số lượng cây che bóng phụ thuộc vào khí hậu thời tiết, điều kiện đất đai và các khuyến cáo cây trồng cụ thể.
<b>Chế biến sau thu hoạch</b>							
CF.B.2	Để ngăn chặn hình thành nấm mốc, cần giảm thiểu tiếp xúc cà phê với bất kỳ nguồn nào có thể lây nhiễm nấm mốc.	G + M					Điều này áp dụng với thu hoạch cà phê quả tươi và cà phê nhân khô (cà phê quả khô, thóc, nhân).  Tránh tiếp xúc cà phê thu hoạch với đất.
CF.B.3	Thực hiện các biện pháp để tránh cà phê nhân bị ướt trong quá trình lưu kho, bốc vác và vận chuyển.	G + M					
CF.B.4	Cà phê được lên men theo cách phù hợp với thời gian yêu cầu.	G + M					Việc lên men đầy đủ được xác minh bởi việc phân tích mẫu thường xuyên từ các bồn lên men.
CF.B.5	Cà phê nhân được phơi sấy khô đến độ ẩm thích hợp.	G					Cà phê đáp ứng phần trăm cụ thể của độ ẩm theo yêu cầu của người mua. Hồ sơ việc đo độ ẩm và yêu cầu của người mua luôn sẵn có.

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
CF.B.6	Cà phê được chấp nhận không có tạp chất, mùi lạ, hạt lỗi. Cà phê đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng quốc gia hoặc các yêu cầu hợp đồng khác.	G					<p>Hạt lỗi cà phê bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt bị dẹp</li> <li>- Hạt teo lép</li> <li>- Hạt có màu nâu đến đen</li> <li>- Hạt mốc</li> <li>- Hạt bị sâu</li> </ul> <p>Các yêu cầu hợp đồng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mùi vị</li> <li>- Tính đồng nhất của kích cỡ hạt</li> <li>- Độ ẩm</li> <li>- Số lỗi</li> </ul>

## PHẦN D – MÔI TRƯỜNG

### Tôn trọng động vật

CF.D.7	Không có động vật sử dụng để sản xuất bất kỳ loại cà phê động vật được tổ chức nuôi nhốt trên trang trại. Không có động vật đang bị nuôi nhốt vì mục đích du lịch.	G+M					<p>Việc nuôi nhốt được xem là bất kỳ việc giam giữ làm hạn chế sự di chuyển của động vật trong môi trường sống tự nhiên của chúng (ví dụ: bằng chuồng trại hoặc bằng hàng rào).</p> <p>Chế biến cà phê động vật nghĩa là sử dụng sự can thiệp của động vật với cà phê để làm thay đổi chất lượng của cà phê (ví dụ: bằng cách ép buộc hoặc cho động vật ăn quả cà phê và lấy lại cà phê từ phân của nó).</p> <p>Lưu ý: Thành viên sở hữu chứng nhận tại thời điểm phát hành phiên bản 1.1 của Bộ nguyên tắc (1 tháng 7 năm 2015), có thể thực hiện một kế hoạch giai đoạn tối đa là 3 năm để tuân thủ với điểm kiểm soát này. Kế hoạch phải được phê duyệt bởi UTZ. Các thành viên quan tâm thì liên hệ với UTZ để yêu cầu các chi tiết và điều kiện trước ngày 1 tháng 1 năm 2016 tại <a href="mailto:coffeecertification@utz.com">coffeecertification@utz.com</a></p>
--------	--	-----	--	--	--	--	---

### Nước

CF.D.8	Nước sạch và nước nhiễm bẩn được tách biệt nhau. Khi có thể, nước được tái sử dụng trong quá trình chế biến ươm.	G					Các biện pháp được thực hiện để sử dụng (tái sử dụng) nước hiệu quả.
CF.D.9	Ngoài việc tái sử dụng nước, các hoạt động cần được thực hiện để giảm thiểu tiêu thụ nước trong quá trình chế biến ươm.	G+M					<p>Ví dụ về các hoạt động bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng máy xát vỏ cà phê để giảm tiêu thụ nước</li> <li>- Có thủ tục được đặt ra để giảm thiểu tiêu thụ nước trong quá trình rửa máy móc thiết bị.</li> </ul> <p>Mức tiêu thụ nước tiêu chuẩn là dưới 10 lít/kg cà phê nhân (tương đương 2 lít / kg cà phê quả tươi).</p>

CP #	Điểm kiểm soát	Áp dụng với	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Làm rõ để tuân thủ
CF.D.10	Có hệ thống xử lý nước tại chỗ để loại bỏ hoặc giảm ô nhiễm do nước thải từ quá trình chế biến ươm cà phê.	G+M					Các biện pháp để xử lý nước thải bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát dòng nước mặt</li> <li>- Bộ phân hủy dạng ống bằng nhựa dẻo</li> <li>- Bộ phản ứng kỵ khí</li> <li>- Bồn chứa</li> <li>- Bộ lọc háo khí</li> </ul>
CF.D.11	Trong các nhà máy chế biến ươm trung tâm (của nhóm) và các nhà máy chế biến ươm của các đồn điền (các trang trại được chứng nhận Bộ nguyên tắc đối với chứng nhận đơn lẻ và đa địa điểm), phải thực hiện giám sát và phân tích chất lượng nước.	G					Tiến hành phân tích ít nhất một lần trên một vụ cà phê và bao gồm phân tích mẫu nước trước và sau khi xử lý. Việc phân tích có tính toán tới đầu nguồn nơi mà nhóm đặt địa điểm chế biến và các vị trí rủi ro/khu vực bị ô nhiễm và, khi có thể, cải tiến tốt hơn hệ thống xử lý nước thải đang có.  Phân tích chỉ rõ ít nhất: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu ô xi hóa học (COD),</li> <li>- pH</li> <li>- Chất rắn lắng xuống, và</li> <li>- Tốc độ dòng chảy.</li> </ul> Giám sát bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh kết quả trước và sau khi xử lý,</li> <li>- So sánh với kết quả từ (các) năm trước, và</li> <li>- So sánh với các quy định quốc gia hoặc địa phương đang áp dụng.</li> </ul> Các hành động khắc phục được thực hiện dựa trên các kết quả phân tích.  Hồ sơ và chương trình giám sát có sẵn. Hồ sơ bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày phân tích,</li> <li>- Các kết quả và các hành động khắc phục, và</li> <li>- Người chịu trách nhiệm đối với hệ thống giám sát.</li> </ul>

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Tổng điểm kiểm soát bắt buộc trên năm	9	9	10	10
Tổng số điểm kiểm soát bổ sung trên năm	2	2	1	1
Số điểm kiểm soát bổ sung phải tuân thủ trên năm	0	0	0	0
Tổng số điểm kiểm soát phải tuân thủ trên năm	9	9	10	10